

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG

Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long (gọi tắt là “Công ty”) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700832042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam (nay là Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình) cấp lần đầu ngày 15/10/2019, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2025 về việc cập nhật thông tin địa chỉ Trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700832042 thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2025 là 245.000.000.000 VND (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ VND).

Công ty được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (nay là Ban quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình) chấp thuận chủ trương đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất ống thép Việt Long” tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6737280381 chứng nhận lần đầu ngày 10/10/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 14/11/2022 tổng vốn đầu tư của dự án là 322.800.000.000 VND (Ba trăm hai mươi hai tỷ, tám trăm triệu VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIET LONG STEEL PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán là VLS. Ngày giao dịch đầu tiên: 15/12/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phạm Văn Giang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Bà Phạm Thị Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên độc lập
Ủy ban Kiểm toán	
Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Đại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hạnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Đại

Nguyễn Hữu Đại

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 86/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long, được lập ngày 30/3/2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2024-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		605.287.000.074	302.081.596.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.417.307.451	6.809.654.380
1. Tiền	111		4.917.307.451	3.309.654.380
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.596.162.198	15.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	35.596.162.198	15.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		386.367.568.210	218.339.842.995
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	204.071.354.255	164.346.882.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	178.957.207.528	51.871.925.338
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.339.006.427	2.121.035.068
IV. Hàng tồn kho	140		158.557.011.373	54.996.772.861
1. Hàng tồn kho	141	5.6	158.557.011.373	54.996.772.861
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.348.950.842	6.735.326.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	143.592.907	115.219.595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.205.357.935	6.620.106.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 260)	200		336.164.292.007	279.579.830.985
I. Tài sản cố định	220		300.406.177.923	273.457.136.474
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	289.207.629.235	273.457.136.474
- Nguyên giá	222		327.290.096.280	296.688.329.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.082.467.045)	(23.231.193.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	11.198.548.688	-
- Nguyên giá	225		11.611.173.705	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(412.625.017)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.279.681.205	39.519.250
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	30.279.681.205	39.519.250
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.478.432.879	6.083.175.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	5.478.432.879	6.083.175.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		941.451.292.081	581.661.427.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		681.542.526.960	333.473.569.424
I. Nợ ngắn hạn	310		570.791.402.740	216.772.692.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	138.127.950.777	22.068.254.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	42.952.242.050	341.031.163
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.095.959.921	1.118.879.246
4. Phải trả người lao động	314		1.696.880.928	1.329.991.608
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.038.105.899	1.984.397.658
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	209.556.411	119.659.940
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	384.596.559.862	189.784.274.116
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.861.497	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.285.395	26.204.241
II. Nợ dài hạn	330		110.751.124.220	116.700.877.167
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	110.751.124.220	116.700.877.167
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		259.908.765.121	248.187.858.157
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	259.908.765.121	248.187.858.157
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.000.000.000	245.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.000.000.000	245.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.908.765.121	3.187.858.157
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.187.858.157	2.881.481.891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.720.906.964	306.376.266
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		941.451.292.081	581.661.427.581

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phu

Nhat



Vũ Thị Phương

Trần Thị Nhất

Nguyễn Hữu Đại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.038.640.277.551	600.343.714.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	1.038.640.277.551	600.343.714.583
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	993.616.474.338	573.370.115.740
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.023.803.213	26.973.598.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	880.257.551	621.462.785
7. Chi phí tài chính	22	6.4	26.090.368.232	18.806.104.323
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.037.947.890	18.806.104.323
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	609.106.173	615.932.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.983.339.244	6.660.705.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		12.221.247.115	1.512.319.228
11. Thu nhập khác	31		1.612.925.978	5.539
12. Chi phí khác	32		23.681.133	91.920.025
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.6	1.589.244.845	(91.914.486)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.810.491.960	1.420.404.742
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	2.089.584.996	1.114.028.476
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.720.906.964	306.376.266
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	478	13

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ay

Nhat



Vũ Thị Phương

Trần Thị Nhất

Nguyễn Hữu Đại

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.810.491.960	1.420.404.742
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		15.263.898.978	12.708.131.686
- Các khoản dự phòng	03		11.861.497	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		51.387.935	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(915.494.364)	(621.420.785)
- Chi phí lãi vay	06		26.037.947.890	18.806.104.323
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		54.260.093.896	32.313.219.966
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(204.285.611.494)	(118.636.198.216)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(88.540.550.840)	(2.928.336.024)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		155.964.448.964	5.769.293.754
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		576.369.070	65.087.705
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.581.511.005)	(18.756.888.904)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.114.028.476)	(57.550.181)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(108.720.789.885)	(102.231.371.900)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(50.708.970.559)	(16.237.414.147)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		122.933.516	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(26.396.162.198)	(15.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		6.000.000.000	37.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		640.004.825	496.385.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.342.194.416)	6.558.971.570
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		676.803.961.266	414.834.729.131
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(495.592.978.631)	(312.689.136.794)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(540.345.263)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		180.670.637.372	102.145.592.337
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.607.653.071	6.473.192.007
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.809.654.380	336.462.373
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.417.307.451	6.809.654.380

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Vũ Thị Phương

(Chữ ký)

Trần Thị Nhất



Nguyễn Hữu Đại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Long được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700832042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam (nay là Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình) cấp lần đầu ngày 15/10/2019, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2025 về việc cập nhật thông tin địa chỉ Trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700832042 thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2025 là 245.000.000.000 VND (*Hai trăm bốn mươi lăm tỷ VND*).

Công ty được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (nay là Ban quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình) chấp thuận chủ trương đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất ống thép Việt Long” tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6737280381 chứng nhận lần đầu ngày 10/10/2019, Chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 14/11/2022 tổng vốn đầu tư của dự án là 322.800.000.000 VND (*Ba trăm hai mươi hai tỷ, tám trăm triệu VND*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIET LONG STEEL PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán là VLS. Ngày giao dịch đầu tiên: 15/12/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 99 người (tại ngày 31/12/2024 là 64 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại quý và kim loại màu;
- Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn tổng hợp;
 - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô);
 - Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm là Sản xuất sắt, thép, gang.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu chi tiết theo công trình và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời, các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Ưu đãi đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700832042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam (nay là Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình) cấp lần đầu ngày 15/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2025, lĩnh vực ưu đãi đầu tư nhà máy sản xuất thép của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất ưu đãi 17% trong thời hạn 10 (mười) năm, được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Năm 2022, là năm đầu tiên Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

- Miễn thuế 02 (hai) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo, đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất ống thép các loại, bán buôn kim loại và quặng kim loại và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	197.142.286	1.426.336
Tiền gửi ngân hàng	4.720.165.165	3.308.228.044
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng	8.417.307.451	6.809.654.380

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 2,4%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)		
Ngân hàng TMCP Quân đội	26.731.162.198	8.200.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3.865.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	35.596.162.198	15.200.000.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2,8% - 6,2%/năm. Số dư tiền gửi có kỳ hạn đang được thế chấp cho các khoản Vay Ngân hàng tại 31/12/2025 là: 31.731.162.198 VND.

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thép Phú Thái	54.670.799.783	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thép Hà Nam	33.649.260.153	41.943.156.432
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tổng hợp Khôi Nguyên	29.648.745.572	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nam	28.152.649.524	64.475.661.474
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thép Minh Phát	-	21.390.219.176
Các đối tượng khác	57.949.899.223	36.537.845.507
Tổng	204.071.354.255	164.346.882.589

Trong đó, Phải thu khách hàng là Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

	-	10.625.753.556
--	---	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.4 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	107.784.291.596	638.602
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thép Hà Nam	54.735.024.085	12.482.027.124
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nam	11.358.260.749	29.866.359.883
Shanghai Bonan Technology Co.,ltd	-	8.317.092.000
Yangzhou Sinoform Machinery	4.369.488.528	-
Các đối tượng khác	710.142.570	1.205.807.729
Tổng	178.957.207.528	51.871.925.338
<i>Trong đó Trả trước cho người bán là Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>107.784.291.596</i>	<i>638.602</i>

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	3.061.414.967	-	1.996.000.000	-
Ký quỹ thuê tài chính	377.000.000	-	-	-
Ký quỹ mở LC	2.684.414.967	-	-	-
Đặt cọc mua đất	-	-	1.996.000.000	-
Lãi dự thu	277.591.093	-	125.035.068	-
Phải thu khác	367	-	-	-
Tổng	3.339.006.427	-	2.121.035.068	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	126.020.082.568	-	41.591.553.756	-
Công cụ, dụng cụ	4.490.996.777	-	912.421.281	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.416.775	-	-	-
Thành phẩm	24.964.234.669	-	11.639.966.960	-
Hàng hóa	3.079.280.584	-	852.830.864	-
Tổng	158.557.011.373	-	54.996.772.861	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	143.592.907	115.219.595
Công cụ dụng cụ	38.394.446	65.658.302
Chi phí trả trước khác	105.198.461	49.561.293
Dài hạn	5.478.432.879	6.083.175.261
Công cụ dụng cụ	284.136.246	602.167.810
Chi phí đầu tư, giải phóng mặt bằng (*)	4.784.352.000	4.784.352.000
Chi phí tư vấn lên sàn	253.125.000	675.000.000
Chi phí trả trước khác	156.819.633	21.655.451
Tổng	5.622.025.786	6.198.394.856

(*) Khoản tiền Giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng Công ty đã tạm nộp cho Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình theo Thông báo số 2045/TB-BQLKCN ngày 23/12/2019 hiện đang được theo dõi để bù trừ với nghĩa vụ tài chính về đất đai (tiền thuê đất phải nộp) của Công ty.

Dự án đang trong thời gian được miễn tiền thuê đất đến hết tháng 9/2029 theo quy định tại Quyết định số 1337/QĐ-CTHNA ngày 05/12/2022 của Cục thuế tỉnh Hà Nam (nay là Chi cục Thuế khu vực 4).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	175.421.379.233	92.207.407.364	26.634.943.091	72.061.382	2.352.538.488	296.688.329.558
Tăng trong năm	9.541.383.119	30.978.427.208	1.023.081.212	-	547.115.741	42.090.007.280
Mua trong năm	-	12.837.240.558	1.023.081.212	-	547.115.741	14.407.437.511
Xây dựng hoàn thành	9.541.383.119	18.141.186.650	-	-	-	27.682.569.769
Giảm trong năm	-	11.488.240.558	-	-	-	11.488.240.558
Bán cho Công ty thuê tài chính	-	11.488.240.558	-	-	-	11.488.240.558
Số dư tại 31/12/2025	184.962.762.352	111.697.594.014	27.658.024.303	72.061.382	2.899.654.229	327.290.096.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	13.068.569.196	8.738.325.245	1.209.265.635	34.626.973	180.406.035	23.231.193.084
Tăng trong năm	6.815.381.117	5.445.527.687	2.173.675.996	18.990.472	397.698.689	14.851.273.961
Khấu hao trong năm	6.815.381.117	5.445.527.687	2.173.675.996	18.990.472	397.698.689	14.851.273.961
Số dư tại 31/12/2025	19.883.950.313	14.183.852.932	3.382.941.631	53.617.445	578.104.724	38.082.467.045
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2025	162.352.810.037	83.469.082.119	25.425.677.456	37.434.409	2.172.132.453	273.457.136.474
Số dư tại 31/12/2025	165.078.812.039	97.513.741.082	24.275.082.672	18.443.937	2.321.549.505	289.207.629.235

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025: 261.770.871.865 VND (tại ngày 01/01/2025: 259.464.064.094 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	11.611.173.705	11.611.173.705
Thuê tài chính	11.611.173.705	11.611.173.705
Số dư tại 31/12/2025	<u>11.611.173.705</u>	<u>11.611.173.705</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	412.625.017	412.625.017
Khấu hao trong năm	412.625.017	412.625.017
Số dư tại 31/12/2025	<u>412.625.017</u>	<u>412.625.017</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2025	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>11.198.548.688</u>	<u>11.198.548.688</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình xưởng mạ kẽm	30.279.681.205	39.519.250
Tổng	<u>30.279.681.205</u>	<u>39.519.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tài Nguyên Liên Việt	81.833.398.164	81.833.398.164	-	-
Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	29.624.783.117	29.624.783.117	788.724.180	788.724.180
Công ty Cổ phần Đóng tàu và Vận tải biển Nam Phát	6.859.510.137	6.859.510.137	6.859.510.137	6.859.510.137
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ thép Nam Phát	1.905.183.406	1.905.183.406	1.905.183.406	1.905.183.406
Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến	-	-	8.233.649.966	8.233.649.966
Các đối tượng khác	17.905.075.953	17.905.075.953	4.281.186.596	4.281.186.596
Tổng	138.127.950.777	138.127.950.777	22.068.254.285	22.068.254.285
<i>Trong đó, Phải trả người bán là Bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.738.079.389</i>	<i>2.738.079.389</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	40.288.678.174	-
Công ty TNHH Huyền Thanh	-	199.191.236
Công ty TNHH Thép Bình Hương	-	50.000.047
Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phú	-	48.685.999
Các đối tượng khác	2.663.563.876	43.153.881
Tổng	42.952.242.050	341.031.163
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước là Bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>40.288.678.174</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	<u>01/01/2025</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2025</u>
Phải nộp	1.118.879.246	2.188.919.907	1.211.839.232	2.095.959.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.114.028.476	2.089.584.996	1.114.028.476	2.089.584.996
Thuế thu nhập cá nhân	4.850.770	78.183.265	76.659.110	6.374.925
Tiền thuế đất	-	17.941.320	17.941.320	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.210.326	3.210.326	-

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	752.490.024	296.053.139
Chi phí tiền điện	285.615.875	97.603.778
Chi phí dịch vụ, tư vấn	-	1.590.740.741
Tổng	1.038.105.899	1.984.397.658

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	42.302.407	119.659.940
Phải trả bảo hiểm	167.254.004	-
Tổng	209.556.411	119.659.940

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	384.596.559.862	384.596.559.862	678.179.877.338	483.367.591.592	189.784.274.116	189.784.274.116
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hà Nội (2)	362.360.323.790	362.360.323.790	655.943.641.266	483.367.591.592	189.784.274.116	189.784.274.116
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	139.469.236.637	139.469.236.637	256.424.735.510	216.952.022.830	99.996.523.957	99.996.523.957
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (4)	69.325.325.608	69.325.325.608	107.536.899.756	57.606.747.160	19.395.173.012	19.395.173.012
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (5)	82.875.374.543	82.875.374.543	163.127.076.031	133.467.132.364	53.215.430.876	53.215.430.876
Nợ dài hạn đến hạn trả	21.963.694.223	21.963.694.223	48.998.127.574	44.211.579.622	17.177.146.271	17.177.146.271
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (6)	48.726.692.779	48.726.692.779	79.856.802.395	31.130.109.616	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (7)	22.236.236.072	22.236.236.072	22.236.236.072	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (8)	16.347.813.908	16.347.813.908	16.347.813.908	-	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (9)	592.922.688	592.922.688	592.922.688	-	-	-
	3.624.000.000	3.624.000.000	3.624.000.000	-	-	-
	1.671.499.476	1.671.499.476	1.671.499.476	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	110.751.124.220	110.751.124.220	32.471.493.705	38.421.246.652	116.700.877.167	116.700.877.167
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (6)	85.826.023.015	85.826.023.015	-	26.734.767.385	112.560.790.400	112.560.790.400
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (7)	3.469.241.391	3.469.241.391	480.000.000	1.150.845.376	4.140.086.767	4.140.086.767
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (8)	15.466.320.000	15.466.320.000	20.380.320.000	4.914.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (9)	5.989.539.814	5.989.539.814	11.611.173.705	5.621.633.891	-	-
Tổng	495.347.684.082	495.347.684.082	710.651.371.043	521.788.838.244	306.485.151.283	306.485.151.283

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội

Số hợp đồng 02/2025/13190320/HĐTD ngày 06/8/2025

Hạn mức vay 150.000.000.000 VND

Mục đích vay Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C

Thời hạn vay Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành

Lãi suất vay Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Hình thức đảm bảo tiền vay Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/13190320/HĐĐD ngày 07/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội
Số hợp đồng 290570.25.820.9157579.TD ngày 02/4/2025

Hạn mức vay 30.000.000.000 VND

Mục đích vay

Thời hạn vay

Lãi suất vay

Hình thức đảm bảo tiền vay

Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép

Tối đa không quá 6 tháng

Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại MB của Công ty; Thẻ tiết kiệm tại MB của bà Nguyễn Thị Hằng; Máy móc thiết bị là Lồng trữ liệu máy sản xuất ống thép WF 50G; Hợp đồng thế chấp hàng hóa và quyền đòi nợ số 198052.24.820.9157579.BD ngày 27/3/2024.

(3) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam

Số hợp đồng 61/25/HIDHM/HNA ngày 23/9/2025

Hạn mức tín dụng

Mục đích vay

Thời hạn vay

Lãi suất vay

Hình thức đảm bảo tiền vay

115.000.000.000 VND; trong đó giới hạn cấp tín dụng ngắn hạn là 90.000.000.000 VND, dài hạn là 25.000.000.000 VND

Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Tối đa không quá 6 tháng

Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 45/24/HĐTC/HNA ngày 12/01/2024; Hợp đồng thế chấp nợ phải thu số 46/24/HĐTC/HNA ngày 16/01/2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80/24/HĐTC/HNA ngày 28/5/2024; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 97/24/HĐTC/HNA ngày 14/8/2024; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 118/24/HĐTC/HNA ngày 04/11/2024 và 134/24/HĐTC/HNA ngày 23/12/2024; Hợp đồng cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 107/24/HĐCC/HNA ngày 27/9/2024 và 108/24/HĐCC/HNA ngày 01/10/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam
Số hợp đồng 01/2025-HĐCVHM/NHCT384-VIET LONG ngày 09/10/2025

Hạn mức tín dụng Không vượt quá 50.000.000.000 VND

Mục đích vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh

Thời hạn vay Tối đa không quá 6 tháng

Lãi suất vay Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

(5) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Số hợp đồng CLC-50437-01 ngày 09/7/2025

Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND

Mục đích vay Cho vay, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động thương mại và sản xuất sắt, thép, gang các loại

Thời hạn vay Tối đa không quá 6 tháng

Lãi suất vay Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
Hình thức đảm bảo tiền vay Ký quỹ; Thẻ chấp 01 bất động sản theo Hợp đồng thế chấp số CLC-50437-15005704-HDTC-01 ký ngày 09/7/2025; Bảo lãnh của ông Phạm Văn Giang theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-64797/25/SME/BLCN-01 ngày 09/7/2025.

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội
Số hợp đồng 01/2021/13190320/HĐTD ngày 22/10/2021

Mục đích vay Đầu tư dự án Nhà máy sản xuất ống thép Việt Long

Thời hạn vay 10 năm

Lãi suất vay 7,9%/năm

Hình thức đảm bảo tiền vay Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/13190320/HĐBĐ ngày 07/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT LONG

Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 810500163284 ngày 13/5/2024, giá trị tối đa của khoản vay là 836.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Toyota Fortuner. Thời hạn cho vay 96 tháng. Tài sản bảo đảm: Xe ô tô Toyota Fortuner hình thành từ phương án Shinhan tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/VPBR/2024/HDTC/CTCPTHEPVIETLONG ngày 13/5/2024.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 810500170389 ngày 04/10/2024, giá trị tối đa của khoản vay là 3.436.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Toyota Land Cruiser. Thời hạn cho vay 96 tháng. Tài sản bảo đảm: Xe ô tô Toyota Land Cruiser hình thành từ phương án Shinhan tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/VPBR/2024/HDTC/CTCPTHEPVIETLONG ngày 04/10/2024.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 81050018944 ngày 26/6/2025, giá trị tối đa của khoản vay là 480.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Triton GLX. Thời hạn cho vay 96 tháng. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô Mitsubishi Triton GLX hình thành từ phương án Shinhan tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/VPBR/2025/HDTC/CTCPTHEPVIETLONG-2025-01 ngày 26/6/2025.

(8) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 97/24/HDTDDH/HNA ngày 17/3/2025 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 97/24/HDCCTD/HNA ngày 14/08/2024. Số tiền cho vay tối đa là 17.880.000.000 VND. Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định là 01 Hệ thống mạ kẽm nhúng nóng mới 100%. Lãi suất ưu đãi 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 6,6%/năm.

(9) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số và ngày Hợp đồng	Lãi suất	Số tiền thuê (VND)	Tiền ký cược bảo đảm (VND)	Giá trị còn lại của tài sản thuê tại thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê, bao gồm thuế GTGT (VND)	
40.25.18/CTTC ngày 17/7/2025	Lãi suất tiết kiệm VND 12T VCB + biên độ (3,1%)	4.041.523.009	162.000.000		5.388.697
118.25.10/CTTC ngày 25/3/2025	Lãi suất tiết kiệm VND 12T VCB + biên độ (3,1%)	4.980.000.000	215.000.000		7.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THIẾT VIẾT LONG
Khu Công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(9) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Tiếp theo)

Các khoản nợ thuê tài chính được thanh toán theo lịch biểu như sau:

Năm 2025 (VND)				Năm 2024 (VND)			
Tổng khoản thanh toán		Trả tiền lãi		Tổng khoản thanh toán		Trả tiền	
tiền thuê tài chính		thuê		tiền thuê tài chính		lãi thuê gốc	
850.555.079		310.209.816		-		-	
540.345.263		540.345.263		-		-	
850.555.079		310.209.816		-		-	
540.345.263		540.345.263		-		-	

Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng
TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tổng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	245.000.000.000	2.881.481.891	247.881.481.891
Lãi trong năm trước	-	306.376.266	306.376.266
Số dư tại 31/12/2024	245.000.000.000	3.187.858.157	248.187.858.157
Số dư tại 01/01/2025	245.000.000.000	3.187.858.157	248.187.858.157
Lãi trong năm nay	-	11.720.906.964	11.720.906.964
Số dư tại 31/12/2025	245.000.000.000	14.908.765.121	259.908.765.121

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	45.370.000.000	45.370.000.000
Ông Phạm Văn Giang	126.318.000.000	122.150.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	23.730.800.000	23.728.800.000
Các cổ đông khác	49.581.200.000	53.751.200.000
Tổng	245.000.000.000	245.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	245.000.000.000	245.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp và tại cuối năm	245.000.000.000	245.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.500.000	24.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.500.000	24.500.000
Cổ phiếu phổ thông	24.500.000	24.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.500.000	24.500.000
Cổ phiếu phổ thông	24.500.000	24.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, dịch vụ	871.557.824.341	485.377.791.379
Doanh thu thương mại	167.082.453.210	114.965.923.204
Tổng	1.038.640.277.551	600.343.714.583
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>145.905.747.107</i>	<i>42.253.753.556</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, dịch vụ	826.713.807.040	461.801.387.330
Giá vốn thương mại	166.902.667.298	111.568.728.410
Tổng	993.616.474.338	573.370.115.740

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	792.560.848	621.420.785
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	87.696.703	42.000
Tổng	880.257.551	621.462.785

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	26.037.947.890	18.806.104.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.032.407	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	51.387.935	-
Tổng	26.090.368.232	18.806.104.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng	609.106.173	615.932.589
Chi phí nhân viên	231.464.318	142.563.304
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.372.720	20.124.240
Chi phí khấu hao TSCĐ	182.766.672	117.422.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.502.463	335.822.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.983.339.244	6.660.705.488
Chi phí nhân viên quản lý	2.842.373.603	3.035.518.812
Chi phí đồ dùng văn phòng	712.057.093	619.044.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.873.186.037	996.954.688
Thuế phí và lệ phí	65.066.320	20.941.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.920.736	1.798.496.608
Chi phí bằng tiền khác	735.455	189.749.146
Tổng	7.592.445.417	7.276.638.077

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác	1.612.925.978	5.539
Bán tài sản cố định cho Công ty thuê tài chính	122.933.516	-
Thu nhập bán phế liệu	1.411.168.851	-
Thu nhập khác	78.823.611	-
Chi phí khác	23.681.133	91.920.025
Phạt vi phạm hành chính	23.249.356	-
Chi phí khác	431.777	91.920.025
Lợi nhuận khác	1.589.244.845	(91.914.486)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.7 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.810.491.960	1.420.404.742
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	10.772.860.932	9.174.927.597
Chi phí lãi vay không được trừ	10.218.787.950	9.084.563.988
Thu nhập thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	180.000.000	-
Chi phí không được trừ khác	374.072.982	90.363.609
Thu nhập tính thuế	24.583.352.892	10.595.332.339
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	-	1.855.871.539
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 17%	24.583.352.892	8.739.460.800
Thuế TNDN theo thuế suất (20%)	-	371.174.308
Thuế TNDN theo thuế suất 17% và được miễn giảm 50%	2.089.584.996	742.854.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.089.584.996	1.114.028.476

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.720.906.964	306.376.266
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.720.906.964	306.376.266
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	24.500.000	24.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	478	13

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	979.741.497.158	559.670.941.572
Chi phí nhân công	11.793.521.436	11.827.775.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.263.898.978	12.708.131.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.667.407.209	5.310.800.301
Chi phí bằng tiền khác	69.279.458	197.654.702
Tổng	1.014.535.604.239	589.715.303.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ với Công ty</u>
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thép Long Giang	Cùng người quản lý
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Hội đồng quản trị		360.000.000	384.000.000
Ông Phạm Văn Giang	Chủ tịch	120.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Hà	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc		438.630.965	384.000.000
Ông Nguyễn Hạnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	438.630.965	384.000.000
Tổng		798.630.965	768.000.000

Tại thời điểm cuối năm tài chính Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		-	10.625.753.556
Công ty Cổ phần Thép Long Giang	Cùng người quản lý	-	10.625.753.556
Phải trả người bán		2.738.079.389	-
Công ty Cổ phần Thép Long Giang	Cùng người quản lý	2.738.079.389	-
Trả trước cho người bán		107.784.291.596	638.602
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	Cổ đông lớn	107.784.291.596	638.602
Người mua trả tiền trước		40.288.678.174	-
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	Cổ đông lớn	40.288.678.174	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng		145.905.747.107	42.253.753.556
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	Cổ đông lớn	145.905.747.107	31.628.000.000
Công ty Cổ phần Thép Long Giang	Cùng người quản lý	-	10.625.753.556
Mua hàng		304.973.527.224	110.342.161.398
Công ty Cổ phần Thép tổng hợp	Cổ đông lớn	292.824.588.183	110.342.161.398
Công ty Cổ phần Thép Long Giang	Cùng người quản lý	12.148.939.041	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Phương

Trần Thị Nhất

Nguyễn Hữu Đại

